

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP - NĂM 2021
LỚP CĐ. THANH NHẠC K.24 - HỆ CHÍNH QUY
NIÊN KHÓA 2018 - 2021

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	18CTN02	Nguyễn Hoàng Vũ An	Nam	30/07/1999	Long An	6.8-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.1						Không thi
2	18CTN03	Bùi Trần Thiên Ân	Nam	26/07/2000	TPHCM	6.5-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.5	6	9	9	8.3	Giỏi	
3	18CTN05	Ngô Thị Kim Anh	Nữ	03/05/1999	Nghệ An	6.8-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.9	6	8	9	8.3	Giỏi	
4	18CTN06	Vương Chí Bảo	Nam	20/07/1998	Lâm Đồng	7.3-Khá	6.5-TB.Khá	8.5	7	9	9	8.8	Giỏi	
5	18CTN09	Phạm Khắc Chánh	Nam	23/05/1998	Đồng Nai	6.0-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.6	7	9	9	8.3	Giỏi	
6	18CTN10	Nguyễn Thị Bảo Châu	Nữ	04/02/1997	Phú Yên	5.7-Trung bình	6.5-TB.Khá	8.1	7	6	9	8.1	Giỏi	
7	18CTN12	Lâm Văn Chiêu	Nam	13/09/1999	Sóc Trăng	5.7-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.2	5	6	8	7.3	Khá	
8	18CTN14	Lê Minh Quốc Cường	Nam	02/02/2000	Tiền Giang	6.1-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.1	7	7	8	7.4	Khá	
9	18CTN15	Nguyễn Giao Cường	Nam	20/11/2000	Phú Yên	6.4-TB.Khá	6.0-TB.Khá	6.9	8	6	9	7.5	Khá	
10	18CTN17	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	12/11/1999	Gia Lai	6.9-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.9	7	6	10	8.3	Giỏi	
11	18CTN18	Trần Vũ Đức Duy	Nam	05/12/1998	TPHCM	6.7-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.4						Không thi
12	18CTN21	Phạm Ngọc Đắc	Nam	23/03/2000	Vĩnh Long	7.3-Khá	6.0-TB.Khá	7.3	6	6	9	7.7	Khá	
13	18CTN22	Nguyễn Phạm Quỳnh Đan	Nữ	18/10/2000	Bình Thuận	6.7-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.5	6	6	9	7.8	Khá	
14	18CTN24	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	15/12/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Miễn	Miễn	8.4	7	7	9	8.4	Giỏi	
15	18CTN28	Nguyễn Trọng Đức	Nam	20/07/1998	Đồng Tháp	5.6-Trung bình	6.5-TB.Khá	7.3	5	6	8	7.3	Khá	

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
16	18CTN29	Lương Thị Thu	Giang	Nữ	28/09/1999	Phú Thọ	6.8-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.5	7	7	9	7.9	Khá	
17	18CTN35	Mã Thị Gia	Hân	Nữ	09/09/2000	Sóc Trăng	6.5-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.2	6	8	9	7.9	Khá	
18	18CTN36	Trương Phong	Hào	Nam	23/08/1998	Phú Yên	Miễn	6.0-TB.Khá	7.6	7	9	9	8.3	Giỏi	
19	18CTN37	Huỳnh Ngọc	Hậu	Nam	13/9/1999	An Giang	6.5-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.3	6	6	9	7.7	Khá	
20	18CTN39	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	08/04/2000	Gia Lai	5.5-Trung bình	6.0-TB.Khá	8.0	7	7	9	8.2	Giỏi	
21	18CTN40	Phan Thị Thanh	Hiền	Nữ	23/10/2000	Gia Lai	7.2-Khá	6.0-TB.Khá	7.7	8	9	7	7.7	Khá	
22	18CTN41	Phan Trọng	Hiếu	Nam	19/03/1999	Quảng Ngãi	7.0-Khá	6.0-TB.Khá	7.4	7	7	7	7.2	Khá	
23	18CTN46	Võ Đức	Hoàng	Nam	28/12/1999	Quảng Ngãi	6.1-TB.Khá	6.0-TB.Khá	6.9						Không thi
24	18CTN48	Lê Trần Trịnh	Huân	Nam	30/01/1999	Bình Thuận	7.3-Khá	6.0-TB.Khá	7.0						Không thi
25	18CTN50	Đoàn Quốc	Hung	Nam	06/03/1999	Quảng Ninh	5.6-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.1	6	6				
26	18CTN52	Lê Quang	Huy	Nam	30/11/1997	Tiền Giang	5.0-Trung bình	6.5-TB.Khá	6.6	6	8	9	7.6	Khá	
27	18CTN53	Bùi Nguyễn Quang	Huy	Nam	15/11/1998	Đồng Nai	7.3-Khá	6.0-TB.Khá	6.5	6	6	8	6.9	TB.Khá	
28	18CTN54	Diệp Gia	Huy	Nam	12/03/2000	Quảng Nam	6.0-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.4	7	9	9	8.2	Giỏi	
29	18CTN56	Phạm Thị Lệ	Huyền	Nữ	01/09/2000	Đồng Nai	6.5-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.2						Không thi
30	18CTN60	Trần Trang An	Khang	Nam	22/02/2000	Bình Phước	6.3-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.3						Không thi
31	18CTN63	Trần Trung	Kiên	Nam	10/03/1999	Thanh Hóa	5.9-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.6						Không thi
32	18CTN64	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	Nữ	17/12/2000	TPHCM	6.5-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.0						Không thi
33	18CTN65	Võ Ngọc Khánh	Lan	Nữ	28/04/1999	Tiền Giang	6.2-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.1	6	7	8	7.4	Khá	
34	18CTN66	Trần Hồng	Liên	Nữ	06/04/1997	TPHCM	5.8-Trung bình	6.5-TB.Khá	8.0						Không thi
35	18CTN67	Vũ Khánh	Linh	Nữ	13/02/1999	TPHCM	6.6-TB.Khá	6.5-TB.Khá	8.8						Không thi
36	18CTN68	Lai Khánh	Linh	Nữ	03/01/2000	Long An	5.8-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.9	6	9	9	8.5	Giỏi	
37	18CTN69	Lương Hồng Xuân	Mai	Nữ	23/04/1999	TPHCM	5.3-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.7	6	8	9	8.2	Giỏi	

THÀNH
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
N HÓA
THÀNH
1 ps

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
38	18CTN74	Đặng Phương	Nam	Nam	09/08/1999	Gia Lai	Miễn	Miễn	7.8						Không thi
39	18CTN77	Hoàng Đặng Bảo	Ngân	Nữ	14/06/2000	TPHCM	5.5-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.6	5	8	9	8.1	Giỏi	
40	18CTN78	Từ Thảo	Ngân	Nữ	08/11/2000	Đồng Tháp	5.6-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.0	5	6	9	7.5	Khá	
41	18CTN80	Nguyễn Trần Trung	Nguyên	Nam	03/10/2000	Tiền Giang	5.1-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.7	7	7	9	8.0	Giỏi	
42	18CTN81	Nguyễn Thị Thúy	Nguyên	Nữ	09/12/2000	Đồng Nai	5.7-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.0	7	7	8	7.3	Khá	
43	18CTN85	Đỗ Thế	Nhật	Nam	02/01/1997	Đồng Nai	6.0-TB.Khá	6.5-TB.Khá	9.0	5	8	9	8.8	Giỏi	
44	18CTN87	Trần Minh	Phát	Nam	12/04/1999	Đồng Tháp	6.9-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.5	7	6	7	7.1	Khá	
45	18CTN88	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	13/04/1998	Tây Ninh	5.3-Trung bình	6.5-TB.Khá	7.5	6	6	9	7.8	Khá	
46	18CTN90	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	03/09/2000	An Giang	6.7-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.0						Không thi
47	18CTN91	Hoàng Thị Diệu	Phương	Nữ	01/01/2000	Thừa Thiên Huế	6.4-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.4						Không thi
48	18CTN92	Huỳnh Khoa	Quân	Nam	10/01/1998	Trà Vinh	5.8-Trung bình	6.5-TB.Khá	6.8	7	6	9	7.4	Khá	
49	18CTN93	Nguyễn Thị Mai	Quế	Nữ	28/01/2000	Long An	5.7-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.4	8	7	9	7.9	Khá	
50	18CTN96	Ngô Thị Tổ	Quyên	Nữ	16/09/1999	Tây Ninh	5.3-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.6	6	6				
51	18CTN97	Trần Ngọc	Quyên	Nữ	12/01/1999	Bến Tre	5.9-Trung bình	6.5-TB.Khá	7.2	7	6	9	7.6	Khá	
52	18CTN99	Nguyễn Thanh	Son	Nam	20/02/1999	Đồng Nai	6.7-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.4	7	7	9	7.9	Khá	
53	18CTN102	Phạm Thị Ngọc	Tâm	Nữ	13/01/2000	Đắk Lắk	6.6-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.7						Không thi
54	18CTN103	Ngô Công	Tâm	Nam	30/04/1998	Đồng Nai	5.4-Trung bình	6.5-TB.Khá	8.0	7	9	9	8.5	Giỏi	
55	18CTN104	Phan Duy	Thạch	Nam	07/4/2000	Đắk Lắk	6.4-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.0	7	6	9	7.5	Khá	
56	18CTN107	Lê Ngọc	Thanh	Nữ	12/11/2000	Long An	5.9-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.9	7	8	8	8.0	Giỏi	
57	18CTN109	Bùi Thị Huyền	Thảo	Nữ	08/05/2000	Quảng Trị	6.6-TB.Khá	6.0-TB.Khá	8.5						Không thi
58	18CTN110	Ông Huỳnh Bích	Thảo	Nữ	23/04/1999	Sóc Trăng	5.0-Trung bình	6.5-TB.Khá	7.7	6	6	8	7.5	Khá	
59	18CTN112	Nguyễn Hữu Nhật	Thiện	Nam	20/08/1999	Bến Tre	6.0-TB.Khá	6.0-TB.Khá	8.2	8	8	9	8.4	Giỏi	

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
60	18CTN114	Lê Minh	Thông	Nam	06/01/1997	Đắk Lắk	6.8-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.6						Không thi
61	18CTN116	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	05/12/2000	Hà Tây	8.0-Giỏi	6.0-TB.Khá	7.4	6	9	10	8.5	Giỏi	
62	18CTN117	Dương Thị Cẩm	Tiên	Nữ	24/12/2000	Long An	5.5-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.3	6	6	8	7.3	Khá	
63	18CTN118	Mai Thùy	Tiên	Nữ	18/10/1998	An Giang	6.3-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.9	7	9	10	8.8	Giỏi	
64	18CTN121	Hà Thái	Tiến	Nam	14/06/1996	An Giang	7.2-Khá	6.5-TB.Khá	8.7						Không thi
65	18CTN122	Đào Trung	Tín	Nam	21/06/1997	Bình Định	7.6-Khá	6.5-TB.Khá	7.7	7	6	10	8.2	Giỏi	
66	18CTN126	Nguyễn Thị Mai	Trang	Nữ	12/02/1997	Đồng Nai	5.6-Trung bình	6.5-TB.Khá	7.4	8	8	8	7.7	Khá	
67	18CTN127	Huỳnh Thị Thùy	Trang	Nữ	01/01/2000	Bình Định	5.9-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.7	5	7	10	8.4	Giỏi	
68	18CTN129	Võ Thành	Trung	Nam	14/10/1997	Đồng Nai	Miễn	Miễn	7.1						Không thi
69	18CTN130	Võ Thành	Trung	Nam	15/09/1998	Bình Thuận	5.3-Trung bình	6.5-TB.Khá	7.0						Không thi
70	18CTN131	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	28/10/1999	Đắk Lắk	5.0-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.0						Không thi
71	18CTN132	Đỗ Phương	Uyên	Nữ	21/10/1994	TPHCM	Miễn	Miễn	8.9						Không thi

Danh sách: 71

Nam: 38

Nữ: 33

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc: 0

Giỏi: 22

Khá: 25

TB.Khá: 1

T.Bình: 0

Không đạt: 2

Không thi: 21

71

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
ThS. Hồ Ngọc Minh

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP - NĂM 2021
LỚP CĐ. THANH NHẠC K.23 - HỆ CHÍNH QUY
NIÊN KHÓA 2017 - 2020

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	17CTN112	VĂN TRỌNG TÂN	Nam	30/03/1997	Bến Tre	5.8-T.Bình	6.5-TB.Khá	6.4						Không thi
2	17CTN136	NGUYỄN THỊ TÚ TRINH	Nữ	10/02/1999	Bình Định	7.2-Khá	7.0-Khá	7.0						Không thi
3	17CTN137	HỒ NGỌC KIỀU TRINH	Nữ	30/04/1999	TPHCM	5.8-T.Bình	6.0-TB.Khá	6.8	6	9	8	7.6	Khá	

Danh sách: 3

Nam: 1

Nữ: 2

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc: 0

Giỏi: 0

Khá: 1

TB.Khá: 0

T.Bình: 0

Không đạt: 0

Không thi: 2

3

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
HN
ThS. Hồ Ngọc Minh

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP - NĂM 2021
LỚP CĐ. THANH NHẠC K.21 - HỆ CHÍNH QUY
NIÊN KHÓA 2015 - 2018

TT	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Lý luận chính trị	Kiến thức cơ sở ngành (2)	Kiến thức ngành (6)	ĐIỂM TB TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	14CTN17	NGUYỄN BÔNG THANH HÀ	21/05/1995	Nữ	TPHCM	Miễn	Miễn	8	9	9	6.9	TB.Khá	

Danh sách: 1

Nam: 0

Nữ: 1

Xếp loại tốt nghiệp:

Xuất sắc: 0

Giỏi: 0

Khá: 0

TB.Khá: 1

T.Bình: 0

Không đạt: 0

Không thi: 0

1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Th.S. Hồ Ngọc Minh